TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày 22-01-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cù Minh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Bá Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ Tòa án nhân dân huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLHS ngày 27 tháng 12 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 08/01/2019 đối với bị cáo:

Ngô Trọng T - Sinh năm 1978, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 5 Đ, xã P, huyện C tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12; con ông Ngô Trọng T; con bà Hà Thị V; Vợ Nguyễn Thuý Q. Bị cáo có 03 người, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Danh chỉ bản số:165 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 08/8/2018

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 14/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

- Ngày 29/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị can bị bắt tạm giam ngày 08/8/2018, hiện nay bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bị hại: Chị Trần Thị K - sinh năm 1991, trú tại khu M, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 18/4/2017, Ngô Trọng T đến chơi nhà vợ chồng anh Phan Ngọc H - sinh năm 1989 và chị Đào Thị T - sinh năm 1987 ở khu T, xã P, huyện C. Tại đây T có nói chuyện với vợ chồng anh H, chị T về việc T có quen biết nhiều người, trong đó có quen ông Ngô Hữu T làm ở phòng giáo dục và đào tạo huyện C, có khả năng xin biên chế giáo viên ở trong huyện. Lúc này có chị Trần Thị K ở xã C, huyện C (nay lấy chồng và chuyển hộ khẩu về khu M, xã T, huyện C) cũng đang chơi ở đây. Khi nghe T nói vậy thì chị K có nói chuyện với T và nhờ T xin biên chế giáo viên mầm non giúp chị K vì chị K vừa thi biên chế nhưng không trúng tuyển. Qua cách nói chuyện T thấy chị K đang có nhu cầu xin việc và rất dễ tin người nên T đã nảy sinh ý định lừa chị K thông qua hình thức hứa hẹn bằng miệng về việc chị K đưa cho T số tiền 270.000.000đ (hai trăm bẩy mươi triệu đồng) thì T chắc chắn sẽ xin được biên chế cho chị K. Lúc đầu T chỉ có ý định lừa được chị K bao nhiêu thì T sẽ chiếm đoạt bấy nhiêu nhưng do thấy chị K hoàn toàn tin tưởng vào việc T sẽ xin được biên chế giáo viên mầm non cho mình, nên chị K đã đưa cho T tổng cộng 04 lần bằng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào buổi chiều ngày 18/4/2017, T sử dụng số điện thoại 0869.078.928 gọi điện đến số điện thoại của chị K có số là 0984.980.738 nói chị K phải đưa trước cho T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để làm tiền T đi lại. Để chị K tin tưởng giao tiền thì T bảo chị K mang tiền đến nhà anh H đưa cho T. Khi T và chị K giao nhận tiền có vợ chồng anh chị H, T chứng kiến. T viết giấy biên nhận tiền đưa chị K cầm. Tuy nhiên, trong giấy biên nhận T không viết đúng tên và địa chỉ của mình mà viết và ký tên là: Nguyễn Văn T, địa chỉ khu 8, P, C. Với mục đích nếu chị K đòi lại tiền thì T sẽ chối mình không phải là người nhận tiền của chị K.

Lần thứ hai: Đến ngày 20/4/2017, T tiếp tục gọi điện cho chị K bảo chị K đưa cho T 10.000.000đ với lý do: có người đang tranh nhau suất biên chế mà T

định xin cho chị K nên phải đưa tiền cho họ để họ rút. T gặp chị K tại nhà chị K ở khu M, xã T, huyện C. Tại nhà chị K có chồng chị K là anh Nguyễn Đức C – sinh năm 1989 và bố chồng chị K là ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1963 chứng kiến việc giao nhận tiền giữa chị K và T. Tuân viết tiếp vào tờ giấy biên nhận viết ngày 18/4/2017 mà chị K đang giữ với nội dung đã nhận của chị K 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nhưng T vẫn viết là: Nguyễn Văn T, khu 8, xã P, huyện C.

Lần thứ ba: Ngày 07/5/2017, T bảo chị K đưa T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để đi lo biên chế giáo viên cho chị K. Chị K tin tưởng nên đã đưa cho T số tiền trên tại nhà anh H có sự chứng kiến của vợ chồng anh chị H, T. T viết giấy biên nhận nhưng vẫn viết và ký tên là Nguyễn Văn T.

Lần thứ tư: Sau lần thứ ba vài ngày, T bảo chị K phải đưa cho T thêm 70.000.000đ (bẩy mươi triệu đồng) để T đi lo việc và hẹn đến ngày 26/6/2017 thì sẽ có quyết định cho chị K, đồng thời lúc đó chị K phải đưa nốt số tiền còn lại là 70.000.000đ cho T. Chị K đã gặp và đưa cho T 70.000.000đ tại nhà vợ chồng anh chị H, T có sự chứng kiến của vợ chồng anh chị H, T. T lấy lý do bận việc gấp nên không kịp viết giấy biên nhận tiền cho chị K. Đến ngày 25/6/2017, chị K nhờ anh H đưa đến nhà T. Tại đây, T viết giấy biên nhận với tổng số tiền đã nhận của chị K là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) người viết Nguyễn Trọng T nhưng phần ký tên là Nguyễn Văn T.

Đến ngày 26/6/2017 chị K không nhận được quyết định biên chế nên đã nhiều lần gặp T để hỏi về công việc và xin lại tiền nhưng T không trả và đưa ra rất nhiều lý do. Trong đó có lý do: T đã chuyển tiền cho người khác để lo việc cho chị K nhưng người ta chưa trả lại tiền cho T. Sau nhiều lần gặp và xin lại tiền mà T không trả đến ngày 17/6/2018, chị K đã gửi đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T đến cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê.

Ngày 08/8/2018 chị Trần Thị K đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê:

- 01 giấy biên nhận viết tay đề ngày 18/4/2017 nội dung Nguyễn Văn T nhận của chị K 20.000.000đ, người ký tên Nguyễn Văn T và bên dưới đề ngày 20/4/2017 nội dung đã cầm của chị K tổng 02 lần là 30.000.000đ, người ký tên Nguyễn Văn T.

- 01 giấy biên nhận viết tay đề ngày 07/5/2017, nội dung nhận của chị K tổng 02 lần là 130.000.000đ, người viết và ký tên là Nguyễn Văn T.

- 01 giấy biên nhận viết tay đề ngày 25/6/2017, nội dung đã nhận của chị K tổng số 200.000.000đ, người viết Nguyễn Trọng T, nhưng ký là Nguyễn Văn T.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã tiến hành điều tra xác minh làm rõ Ngô Trọng T, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú: khu 5 Đ, xã P. Ngô Trọng T từ trước đến nay không có tên gọi nào khác, không thay đổi họ tên lần nào.

Đối với số tiền 200.000.000đ mà T đã chiếm đoạt của chị K, Tuân khai nhận đã tiêu sài cá nhân hết 12.000.000đ còn 188.000.000đ thì T đưa cho chị H làm thủ quỹ trường Trung học phổ thông Phùng Khắc K ở thành phố Hà Nội (có sự chứng kiến của chị T làm giáo viên của trường Phùng Khắc K) để lo việc xin cho chị K biên chế ở trường Phùng Khắc K (T chỉ nghe chị H và chị T giới thiệu tên và công việc như vậy còn T không biết rõ họ tên và địa chỉ thật của hai chị ở đâu), đến nay chị H vẫn chưa đưa lại tiền cho T. Còn chiếc điện thoại Nokia 110i bên trong có 01 sim có số là 0869.078.928 T sử dụng để liên lạc với chị K thì T đã làm mất nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không thu giữ được.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh tại trường Trung học phổ thông Phùng Khắc K, địa chỉ số 85 L, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội: không có ai tên H và T làm thủ quỹ và giáo viên của trường, đồng thời trong danh sách tuyển giáo viên năm 2017 của trường cũng không có ai tên Trần Thị K. Quá trình điều tra làm rõ, ông Ngô Hữu T, sinh năm 1958 (nguyên trưởng phòng giáo dục và đào tạo huyện C) là anh em trong họ N với T nhưng T không đặt vấn đề gì với ông T về việc xin biên chế giáo viên cho bất kỳ ai.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Ngô Trọng T đã tác động đến gia đình bồi thường cho chị K nên đến ngày 05/12/2018, gia đình Ngô Trọng T đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị K số tiền là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Chị Trần Thị K đề nghị T tiếp tục bồi thường cho chị số tiền còn lại là 170.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, về động cơ, mục đích, hành vi phạm tội và phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 25/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố bị cáo Ngô Trọng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng nh- nội dung bản cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ngô Trọng T từ 8 đến 9 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/8/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị K số tiền 170.000.000đ.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự cho bị cáo Ngô Trọng T.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người bị hại, không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2017 đến tháng 06/2017 bị cáo đã có

hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị K số tiền 200.000.000đ. Xét lời nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nh- vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Ngô Trọng T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

[3]. Về *tính chất hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự trị an ở địa ph- ơng, làm cho mọi ng- ời không yên tâm lao động và bất bình, nên cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo là người có hiểu biết xã hội, nhưng không chịu làm ăn chính đáng đã lợi lợi dụng sự cả tin và mất cảnh giác của chị K, nên bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ, bị cáo thực hiện hành với lỗi cố ý, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, mà tài sản đó được pháp luật bảo vệ, nên bị cáo phải chịu hình tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị K số tiền 30.000.000đ, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, là người phạm tội tự nguyện bồi thường; người phạm tội thành khẩn khai báo; bố bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương, đồng thời bị cáo là người khuyết tật nhẹ, nên cần áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu ngày 14/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 29/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, nên cần phải áp dụng một hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng …. Nhưng qua xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê

thì thấy bị cáo sống cùng gia đình, không có tài sản riêng, mức thu nhập thấp. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự : Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Khang số tiền 170.000.000đ.

Về án phí: Gia đình bị cáo là hộ nghèo, bản thân bị cáo là người khuyết tật nhẹ, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Ngô Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

□p dụng điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Trọng T 9 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 08/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 2 điều 357, khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 điều 586, khoản 4 điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Trọng T phải bồi thường cho chị Trần Thị K số tiền 170.000.000đ

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự cho bị cáo Ngô Trọng T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh PT;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Dân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh PT;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Dân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà